

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HS-ST

Ngày 23/4/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Thắng;

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Ngọc Ngu;

- Bà Nguyễn Thị Chuyên;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký TAND huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở TAND huyện Phú Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2018/TLST - HS, ngày 12 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST – HS ngày 23 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn L**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 23/5/1970.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm Đ, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Sán chí; Trình độ học vấn: 4/10; Chức vụ đảng, đoàn thể: Không; con ông: Trần Văn C (đã chết); con bà: Nguyễn Thị T (đã chết); Gia đình có 09 anh em, bị cáo là con thứ 5; có vợ là: Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; có 02 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/9/2017 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Phú Lương. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trần Minh H**; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 02/10/ 1987.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm L, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 12/12; Chức vụ đảng, đoàn thể: Không; con ông: Trần Trung T, sinh năm 1960; con bà: Hoàng Thị T, sinh 1960; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ 3; có vợ là: Nịnh Thị L, sinh năm 1995; có 01 con, sinh năm 2015. Tiền án: Tại bản án số 72/2015/HSST ngày 24/8/2015 bị TAND huyện Phú Lương xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS 1999; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/9/2017 đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Phú Lương. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Công ty Cổ phần 474;

Địa chỉ: số 132 đường 26/3, phường Đ, tp H, tỉnh Hà Tĩnh;

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L – Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Trung H, sinh năm 1986;

Chức vụ: Hạt trưởng Hạt quản lý đường bộ tuyến Thái Nguyên – Chợ Mới thuộc Công ty 474. Vắng mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền L nghĩa vụ L quan:** Công ty TNHH BOT Thái Nguyên – Chợ Mới – Địa chỉ: Km 72 + 930, tuyến Thái Nguyên – Chợ Mới, xã S, thành phố T.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Minh Đ – Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đức M, sinh năm 1976;

Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch, kỹ thuật. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người làm chứng:**

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1992;

HKTT: xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

2. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1977;

HKTT: xóm L, xã Y, P, tỉnh Thái Nguyên;

3. Ông Ngô Văn L, sinh năm 1984;

HKTT: xóm Y 1, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

(Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần Văn L và Trần Minh H đều là đối tượng nghiện ma túy có quen biết nhau. Từ cuối tháng 7 năm 2017 đến đầu tháng 9/2017, L và H đã cùng nhau thực hiện 03 lần lén lút cây phá, tháo trộm các thiết bị của các cầu cạn ở đường Quốc lộ 3 mới (Thái Nguyên – Chợ Mới) đoạn Km 91 + 550 đến Km 92 + 310 thuộc địa phận xóm Đ, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, do Công ty Cổ phần 474 có địa chỉ trụ sở chính tại số 132 đường 26/3, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh trực tiếp quản lý để bán lấy tiền tiêu sài, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng hơn 20 giờ ngày 28/7/2017, L mang theo 01 chiếc chèo bằng kim loại dài khoảng 25cm (mượn của gia đình chị Đỗ Thị V, sinh năm 1999, trú tại: xóm Đ, xã Y, huyện P; hai nhà ở gần nhau, L là bác của chị V), 01 đèn pin, điều khiển xe mô-tô BKS 97F7-7086 (xe do L mượn của chị Nguyễn Thị H, sinh 1980, trú tại xóm Đ 1, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn), đèo H đến khu vực cầu cạn số 2 đường QL3 mới (Thái Nguyên – Chợ Mới) cây phá các thiết bị trên cầu cạn mang đi bán. L và H dùng chiếc chèo tháo các tấm thép ốp khe co giãn của thành cầu cạn nhưng không tháo được. H điều khiển xe mô-tô BKS 97F7

– 7086 về nhà của mình lấy 01 chiếc xà beng đến cùng L tiếp tục cạy phá. H, L thay nhau cạy phá khoảng 50 phút thì cạy được 01 tấm thép ốp khe co giãn thành bê tông tại cầu cạn số 2 (kích thước: 1,4m x 0,4 m x 0,003m). L mang tấm thép đi giấu ở lề đường. Sau đó L và H đi xe mô tô lên cầu cạn số 4 tiếp tục cạy phá được 01 tấm thép ốp khe co giãn tương tự như tấm thứ nhất, L mang tấm thép cạy phá được vào lề đường cất giấu. Ngay sau đó anh Nguyễn Văn T (sinh năm 1992, nhân viên Hạt quản lý đường bộ Thái Nguyên – Chợ Mới, Công ty cổ phần 474) cùng một số nhân viên khác đi tuần tra phát hiện. L và H điều khiển xe mô-tô bỏ chạy về hướng Bắc Kạn. Anh T kiểm tra thu giữ được 01 tấm thép và 01 chiếc xà beng mang về công ty quản lý; 01 tấm thép L khai cất giấu ở lề đường CQĐT đã truy tìm nhưng chưa thu hồi được; chiếc chèo L mang về trả ở thùng đồ nhà V. Ngày 06/11/2017, anh T giao nộp cho Cơ quan CSĐT tấm thép, còn chiếc xà beng trong quá trình bảo quản đã bị thất lạc chưa thu hồi được.

Lần thứ hai: Khoảng hơn 19 giờ ngày 08/8/2017, H điều khiển xe mô tô kiểu xe WIN (không rõ biển kiểm soát) mượn của ông Nguyễn Văn Đ (sinh năm 1975, trú tại xóm L, Y, Phú Lương) đi đón L cùng nhau lên khu vực cầu cạn số 5, cạy phá các thiết bị của cầu cạn đem bán. Trước khi đi, L sang nhà V mượn 01 chiếc chèo, 01 mỏ lết, cầm theo 01 dao dài khoảng 40cm; H mang theo 01 chiếc đèn pin. Khi đến khu vực cầu cạn số 5, L dùng dao chặt được một đoạn tre dài khoảng hơn 04m chống vào thành gầm cầu làm công cụ trèo lên thành cầu. Sau đó, L đứng dưới dùng đèn pin soi sáng, H trèo lên thành cầu dùng chèo và mỏ lết tháo dỡ được 06 hệ thống giá đỡ ống thoát nước phía dưới gầm cầu cạn (mỗi hệ giá đỡ gồm: 01 bản thép chữ T có thanh dài 0,622m, thanh ngắn 0,2m, dày 8mm và 02 bản thép nửa hình tròn được L kết bằng ốc vít có đường kính sau khi cố định là 0,2m, dày 6mm). Các tài sản tháo dỡ được L và H đem bán cho Ngô Văn L (SN: 1984, trú tại: xóm Y 1, xã Y, huyện P) được 200.000 đồng cùng nhau ăn tiêu hết. 06 hệ thống giá đỡ sau khi mua được, anh L đã bán lại cho một người không quen biết nên Cơ quan điều tra chưa thu hồi được.

Lần thứ ba: Khoảng 20 giờ ngày 07/09/2017, H mang theo một chiếc mỏ lết bằng kim loại dài khoảng 30cm và một con dao quắm dài 56cm, L mang theo 01 đèn pin, cùng nhau đi bộ đến khu vực cầu cạn số 5. H dùng dao chặt được một cây tre dài 5,8 mét, đường kính khoảng 09cm chống vào thành gầm cầu. L đứng ở dưới dùng đèn pin soi sáng để H trèo lên thành cầu dùng mỏ lết tháo dỡ được 06 hệ thống giá đỡ ống thoát nước phía dưới cầu cạn. Do không có phương tiện chở các tài sản mang đi tiêu thụ nên L và H đã để các tài sản vừa tháo dỡ được cùng chiếc mỏ lết ở phía dưới gầm cầu cạn số 5 rồi về nhà. Khoảng 09 giờ ngày 08/09/2017, H mượn xe mô-tô BKS: 20E1- 072.46 của ông Nguyễn Văn H (Sinh 1971, trú tại xóm L, xã Y, huyện Phú Lương) chở L đến chỗ cất giấu, lấy các tài sản đã tháo dỡ được cho vào hai bao tải mang đến bán cho Nguyễn Minh T (sinh năm 1977, trú tại xóm L, xã Y, huyện P) được 285.000 đồng chi tiêu cá nhân hết. Ngày 08/09/2017, anh T đã tự nguyện giao nộp các tài sản đã mua được của L và H cho Cơ quan điều tra.

Tại Bản Tại bản kết luận định giá tài sản số 70 ngày 13/09/2017 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Phú Lương kết luận: Trị giá 01 tấm thép ốp khe là 1.100.000 đồng x 2 chiếc = 2.200.000 đồng; 01 bản thép chữ T giá đỡ là 500.000 đồng x 12 chiếc = 6.000.000 đồng; tổng giá trị tài sản đã tháo dỡ là 8.200.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: 06 hệ thống giá đỡ ống thoát nước và 01 tấm thép ốp khe co giãn thành bê tông cầu cạn. 01 thanh tre dài 5,8m, đường kính khoảng 09cm; 01 con dao kiểu dao quắm dài 56cm; 01 đèn pin bằng nhựa màu đen dài 08cm; 01 mỏ lết bằng kim loại dài 25cm; 01 đèn pin bằng nhựa, vỏ màu đỏ hồng, dài 10,5cm.

Cơ quan điều tra xác định, 06 hệ thống giá đỡ ống thoát nước và 01 tấm thép ốp khe co giãn thành bê tông cầu cạn là tài sản của Công ty cổ phần 474 trả cho Công ty Cổ phần 474 quản lý sử dụng.

Xe mô tô BKS 97F7-7086 L khai mượn của chị H, xe mô tô WIN H mượn của ông Đ, các chủ sở hữu không biết việc L, H mượn xe đi thực hiện tội phạm nên CQĐT trả lại cho các chủ sở hữu.

Về dân sự: Công ty Cổ phần 474 và Công ty TNHH BOT không yêu cầu L, H phải bồi thường. Anh T không yêu cầu L, H phải hoàn trả 285.000 đồng mua sắt thép.

Tại bản cáo trạng số 07/QĐ-VKS ngày 11/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương đã truy tố Trần Văn L và Trần Minh H về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo L, H đã khai nhận toàn bộ hành vi đúng như lời khai tại cơ quan điều tra và bản cáo trạng mô tả.

Kết thúc phần xét hỏi, Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Phú Lương trình bày bản luận tội, thay đổi quan điểm truy tố xác định hành vi của các bị cáo L, H chưa đủ căn cứ để truy tố về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” mà có đủ căn cứ để xử các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: khoản 1 Điều 138, điểm p (điểm h đối với bị cáo L) khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Trần Văn L và Trần Minh H chung mức án từ 24 đến 30 tháng tù giam. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

- Vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 thanh tre dài 5,8m, đường kính khoảng 09cm; 01 con dao kiểu dao quắm dài 56cm; 01 đèn pin bằng nhựa màu đen dài 08cm; 01 mỏ lết bằng kim loại dài 25cm; 01 đèn pin bằng nhựa, vỏ màu đỏ hồng, dài 10,5cm. Truy thu của các bị cáo số tiền thu L bất chính do bán tài sản trộm cắp được sung công quỹ Nhà nước.

- Dân sự: Do phía người bị hại và người có quyền L nghĩa vụ L quan không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xem xét giải quyết.

- Án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 136 BLTTHS 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí HSST vào ngân sách Nhà nước.

Tại phần tranh luận, các bị cáo L, H đều nhất trí với bản luận tội, không có ý kiến tranh luận, đại diện người có quyền L nghĩa vụ L quan nhất trí với bản luận tội, không có ý kiến gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Trần Văn L và Trần Minh H đều xin HĐXX cho hưởng mức án thấp nhất để sớm được về đoàn tụ cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, đại diện người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, cùng với những tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, kết luận Hội đồng định giá, lời khai của đại diện người bị hại, người làm chứng và những tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận:

Do cần tiền để tiêu sài cá nhân nên trong các ngày 28/7/2017, ngày 08/8/2017 và ngày 07/9/2017, Trần Văn L và Trần Minh H đã nhiều lần có hành vi cạy, tháo trộm 02 tấm kim loại ốp khe co giãn thành bê tông cầu cạn số 2, số 4 và 12 hệ thống giá đỡ ống thoát nước cầu cạn số 5 trên Quốc lộ 3 mới (Thái Nguyên – Chợ Mới) đoạn thuộc địa bàn xóm Đ, xã Y, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên do Công ty Cổ phần 474 có địa chỉ trụ sở chính tại số 132 đường 26/3, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh trực tiếp quản lý để đem đi tiêu thụ, kết quả định giá xác định tổng giá trị tài sản bị mất là 8.200.000 đồng.

Theo cáo trạng của VKS xác định: Hành vi cạy phá lấy đi 12 hệ thống giá đỡ ống thoát nước tại gầm cầu cạn, 02 tấm kim loại ốp khe co giãn thành bê tông cầu cạn đem đi tiêu thụ, làm cho các cầu cạn bị hư hỏng, gây thiệt hại về tài sản của bị cáo Trần Văn L và Trần Minh H đã phạm tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”. Do vậy các bị cáo đã bị truy tố theo khoản 1 Điều 178 BLHS năm 2015.

Tuy nhiên, với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo không phạm tội như Viện kiểm sát đã truy tố, cụ thể:

Các bị cáo phạm tội với động cơ, mục đích là nhằm chiếm đoạt tài sản “*Tài sản cây phá được mang bán để lấy tiền tiêu xài cá nhân*”. Các bị cáo không có mục đích làm hư hỏng tài sản, việc cây phá, tháo dỡ chỉ là cách thức để các bị cáo có thể chiếm đoạt được tài sản mang đi bán. Các bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt một cách lén lút, bí mật, thời gian vào buổi tối ít người qua lại, việc lén lút là nhằm để che giấu hành vi phạm tội để người quản lý tài sản không biết. VKS truy tố các bị cáo về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” nhưng chưa làm rõ được hư hỏng cầu cạn nào? Việc bị mất đi hai tấm kim loại dùng để ốp khe co dẫn bê tông thành cầu cạn số 2 và số 4, mất đi 12 hệ thống giá đỡ ống thoát nước phía dưới gầm cầu cạn số 5 có ảnh hưởng gì đến chất lượng, kết cấu của từng công trình hay không? Có làm mất an toàn cho người tham gia giao thông hay không? Hư hỏng đến đâu chưa được cơ quan chức năng xem xét kết luận.

Tại phiên tòa, phía đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Công ty TNHH BOT) xác định việc mất các tấm kim loại và các giá đỡ kim loại nêu trên chưa gây ảnh hưởng đến kết cấu công trình, chưa làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông và chưa làm hư hỏng công trình.

Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy hành vi trái pháp luật của các bị cáo có đủ các dấu hiệu của tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Điều 138 của Bộ luật hình sự. Tài sản các bị cáo trộm cắp được, lần 1 ngày 28/7/2017 có giá trị 2.200.000 đồng; lần 2 ngày 08/8/2017 có giá trị 3.000.000 đồng; lần 3 ngày 07/9/2017 có giá trị 3.000.000 đồng. Tổng giá trị 8.200.000 đồng. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Nội dung khoản 1 Điều 138 Bộ Luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”

Do vậy các bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật đã quy định.

Tại phần tranh luận Đại diện VKS đã thay đổi quyết định truy tố, kết luận các bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 BLHS là có căn cứ.

- Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã trực tiếp đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự của địa phương. Hành vi nêu trên của bị cáo bị

pháp luật ngăn cấm, bị xã hội lên án, do đó cần phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy: Các bị cáo Trần Văn L, Trần Minh H đều cùng nhau thực hiện ba lần trộm cắp tài sản, mỗi lần trộm cắp đều đủ các yếu tố cấu thành tội phạm độc lập chưa bị xử lý. Do vậy các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần; riêng Trần Văn H lần phạm tội này là tái phạm nên cùng phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, đối với H mức tăng nặng cao hơn.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Trong quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, do đó các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự, đối với Trần Văn L đây là lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS.

Xét về nhân thân của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, bị cáo L chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo H là người có tiền án chưa được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân để tu dưỡng rèn luyện trở thành công dân sống có ích cho xã hội mà vẫn tiếp tục đi vào con đường phạm tội, điều đó chứng tỏ bị cáo có ý thức coi thường pháp luật.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy: Bị cáo L là người khởi xướng, rủ bị cáo H phạm tội, các bị cáo đều cùng thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực, có sự phân công nhưng không mang tính chất tổ chức, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, L là người có vai trò chính trong vụ án, khi lượng hình cũng cần xem xét cho bị cáo L mức án nghiêm khắc hơn.

Căn cứ vào tính chất, mức độ tội phạm do các bị cáo thực hiện, sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng cần thiết xử phạt bị cáo Trần Văn L và Trần Minh H cùng mức án từ 18 đến 24 tháng tù và buộc các bị cáo phải cách ly xã hội mới đủ điều kiện giáo dục và răn đe, phòng ngừa chung. Mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng xử các bị cáo trong phần luận tội có phần hơi nghiêm khắc.

Các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có thu nhập nên không cần thiết phải áp dụng khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- **Về phần dân sự:** Do phía người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- **Về vật chứng:** Cần áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 để xử lý các vật chứng sau: 01 thanh tre dài 5,8m, đường kính khoảng 09cm; 01 con dao kiểu dao quắm dài 56cm; 01 đèn pin bằng nhựa màu đen dài 08cm; 01 mỏ lết bằng kim loại dài 25cm; 01 đèn pin bằng nhựa, vỏ màu đỏ

hồng, dài 10,5cm. Tất cả đều là dụng cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

Số tiền thu lợi được từ việc tiêu thụ tài sản trộm cắp được hai lần là 485.000 đồng, các bị cáo cùng chi tiêu cá nhân và mua ma túy sử dụng chung, nên cần buộc các bị cáo phải nộp sung công quỹ Nhà nước, cụ thể mỗi bị cáo phải nộp sung công quỹ Nhà nước số tiền là 242.500 đồng.

- **Về án phí:** Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Thông báo cho các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Trong vụ án này còn có Ngô Văn L và Nguyễn Minh T là những người mua tài sản của các bị cáo, nhưng họ không biết đó là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Quá trình điều tra các bị cáo đều khai rõ, hai lần bán tài sản trộm cắp được các bị cáo đã hai lần dùng tiền để mua ma túy (Heroin) về sử dụng trái phép nhưng chưa bị xử lý. Hội đồng xét xử kiến nghị đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Lương xem xét xử lý đối với L và H về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 138, điểm p (điểm h đối với bị cáo L) khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Điều 41 BLHS 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; các Điều 106, 136, 292, 298, 329, 331, 333 Bộ luật TTHS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn L và Trần Minh H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt:

- Xử phạt Trần Văn L 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (27/9/2017).

- Xử phạt Trần Minh H 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (27/9/2017).

Quyết định tạm giam các bị cáo thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

2. Về dân sự: Không giải quyết do không có yêu cầu bồi thường.

3. Vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 thanh tre dài 5,8m, đường kính khoảng 09cm; 01 con dao kiểu dao quắm dài 56cm; 01 đèn pin bằng nhựa màu đen dài

08cm; 01 mỏ lết bằng kim loại dài 25cm; 01 đèn pin bằng nhựa, vỏ màu đỏ hồng, dài 10,5cm (Tình trạng, đặc điểm vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng).

Buộc Trần Văn L, Trần Minh H mỗi bị cáo phải nộp số tiền 242.500 đồng do thu L bắt chính sung công quỹ Nhà nước.

4. Án phí: Buộc các bị cáo Trần Văn L, Trần Minh H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Đại diện Công ty TNHH BOT) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại (Đại diện Công ty cổ phần 474) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện Phú Lương;
- Công an huyện Phú Lương;
- T.H.A DS huyện Phú Lương;
- Các bị cáo, Người bị hại, NLQ;
- Lưu: HS, VT, T.H.A HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tất Thắng